

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 01 -2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Chung.

Ông Nguyễn Văn Khuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giang Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

ĐKKHKT: Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1989.

Trú tại: thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Ninh Bình.

- Người làm chứng: Ông Mai Đức H. Trú tại: thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Đ, ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Mai Văn Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 15/11/2014, theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng với gia đình nhà anh Đ tại thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, một phần vì tính tình vợ chồng anh chị không hợp nhau, một phần vì bản thân anh Đ mặc dù đã có vợ, con, có công việc ổn định nhưng lại không tu trí làm ăn mà thường xuyên tụ tập chơi bài bạc, có khi anh đi cả đêm không về. Nhiều lần chị và gia đình khuyên nhủ nhưng anh Đ không những không nghe mà ngày càng lún sâu vào cờ bạc dẫn đến nợ nần. Đã nhiều lần chị cùng gia đình phải đứng lên nhận và trả nợ cho anh Đ nhưng anh Đ không tu tỉnh. Cũng vì vậy mà mâu thuẫn của anh chị ngày càng trở nên trầm trọng, anh chị cãi chửi nhau thường xuyên hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải và bản thân chị cũng đã cố gắng để nói chuyện hàn gắn tình cảm, yêu cầu anh Đ thay đổi để lo cho gia đình nhưng anh Đ không sửa đổi bản thân, nên từ khoảng cuối năm 2016 chị đã bế con về nhà mẹ đẻ ở thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Từ khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ thì mâu thuẫn của vợ chồng chị vẫn không thể giải quyết được, tình cảm thì lạnh nhạt và không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau. Nhiều lần chị đã đặt vấn đề ly hôn với anh Đ nhưng anh Đ chỉ nói tùy chị muốn làm gì thì làm, còn anh sẽ không đến tòa để giải quyết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn Đ để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên cháu là Mai Phương Th, sinh ngày 16/9/2015. Hiện nay cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống anh chị không có tài sản cũng như công nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai không đề ngày tháng của anh Mai Văn Đ gửi cho Tòa án nhận ngày 19/12/2017, anh Đ trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 15/11/2014, có đăng ký tại UBND xã Y, vợ chồng anh chị sống hòa thuận và có một con gái, đến năm 2017 thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm. Nay chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: anh chị có một con chung tên cháu là Mai Phương Th, sinh năm 2015, anh cũng nhất trí để cho chị T tiếp tục nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh chị không có và anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Đ, chị T chung sống. Tại biên bản xác minh ngày 13/12/2017, ông Mai Đức H - bố đẻ anh Mai Văn Đ và ông Đặng Minh Q - trưởng thôn T đều khẳng định anh Đ và chị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y năm 2014 và về chung sống cùng với gia đình ông Mai Đức H, anh Đ, chị T có một con chung hiện đang ở với chị T. Quá trình chung sống anh Đ và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do anh Mai Văn Đ không tu chí làm ăn thường xuyên chơi bời cờ bạc dẫn đến thua lỗ nợ nần, ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không nghe. Cũng vì vậy, vợ chồng anh Đ, chị T thường xuyên cãi chửi nhau. Cuối năm 2016, chị T đã bế con về nhà ngoại ở Bắc Giang sinh sống không còn sống cùng với anh Đ nữa và chị T làm đơn xin ly hôn anh Đ. Bản thân ông khi nhận các thông báo cũng như giấy triệu tập của Tòa án ông đã giao và khuyên anh Đ lên tòa giải quyết nhưng anh Đ chỉ nói anh cũng đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh sẽ không lên Tòa để giải quyết. Vì vậy ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn và nuôi con chung của chị và anh Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật không đến Tòa án làm việc theo giấy báo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Phương Th sinh ngày 16/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Mai Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T số tiền 800.000 đồng/tháng đến khi cháu được 18 tuổi. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Khi cần thiết chị T, anh Đ có quyền thay đổi việc nuôi con.

3. Về án phí DSST: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/00713

ngày 23/11/2017 tại Chi cục THADS huyện Hoa Lư. Anh Mai Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án anh Mai Văn Đ không lên Tòa án để làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của án. Ngày 20/12/2017, Tòa án thông báo và triệu tập chị T, anh Đ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh Đ vẫn không có mặt, đồng thời chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nữa. Do đó, Tòa án xác định vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Anh Mai Văn Đ vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ, nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị T và anh Đ đều thống nhất chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 15/11/2014, là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp chứng cứ cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, ngoài bản tự khai các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác. Căn cứ đơn đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại nơi vợ chồng chị T, anh Đ chung sống. Căn cứ kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định: lời khai của chị Nguyễn Thị T là có cơ sở và xác định vợ chồng anh Đ, chị T có mâu thuẫn mà nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh Mai Văn Đ không tu trí làm ăn chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến khoảng cuối năm 2016, chị T đã bế con về nhà mẹ đẻ ở Bắc Giang và sống ly thân với anh Đ cho đến nay. Tại bản tự khai gửi cho Tòa án qua đường bưu điện, bản thân anh Đ cũng thừa nhận vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm. Nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ đều xác nhận anh chị có một con chung tên cháu là Mai Phương Th, sinh ngày 16/9/2015, hiện đang ở với chị T. Nguyên vọng của chị T xin được tiếp tục nuôi con chung, bản thân anh Mai Văn Đ cũng nhất trí để chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét đề nghị của chị T, anh Đ là tự nguyện, nên chấp nhận đề nghị của chị T, giao

cháu Mai Phương Th cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh Mai Văn Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, xét đề nghị của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: quá trình giải quyết vụ án chị T, anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án xem xét, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Mai Văn Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 19, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Về hôn nhân:** Cho Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ.
2. **Về con chung:** Giao cháu Mai Phương Th, sinh ngày 16/9/2015, cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Mai Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*), kể từ tháng 2/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, thì người trực tiếp nuôi con có quyền đề nghị Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. **Về án phí:**

- Án phí ly hôn: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/00713 ngày 23/11/2017, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Mai Văn Đ phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai, sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện L;
- UBND xã Y;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Vũ Quang Chung